

**MÔ HÌNH DU LỊCH NÔNG THÔN GẮN VỚI PHÁT TRIỂN VÙNG CHÈ:
KINH NGHIỆM THỰC TIỄN TẠI MỘT SỐ TỈNH TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC**

Đoàn Quang Huy¹, Nguyễn Thị Gấm²

Tóm tắt

Du lịch nông thôn gắn với phát triển vùng chè là một trong những hướng đi mới trong phát triển kinh tế - xã hội tại một số địa phương khi có thể vừa kết hợp được giữa lợi thế sản xuất chè và du lịch cộng đồng nhằm cải thiện đời sống cho người nông dân. Nghiên cứu này tập trung phân tích thực trạng mô hình du lịch kết hợp phát triển vùng chè tại 03 tỉnh Hà Giang, Sơn La và Thái Nguyên. Kết quả nghiên cứu cho thấy, mặc dù có nhiều tiềm năng, nhưng quy mô phát triển còn nhỏ lẻ, manh mún, chưa thực sự thu hút đông đảo khách du lịch. Để có thể phát triển mô hình trong thời gian tới, chính quyền địa phương, người dân và doanh nghiệp du lịch cần phải tăng cường đa dạng hoá sản phẩm, liên kết chuỗi giá trị, kết nối các điểm đến các tuyến du lịch và đẩy mạnh hoạt động xúc tiến du lịch, hợp tác trong và ngoài nước.

Từ khóa: Du lịch nông thôn, Phát triển vùng chè, Mô hình du lịch, Du lịch cộng đồng

**MODEL OF RURAL TOURISM ASSOCIATED WITH TEA AREA
DEVELOPMENT: PRACTICAL EXPERIENCE IN SOME NORTHERN
MIDDLELAND AND MOUNTAINOUS PROVINCES**

Abstract

Rural tourism associated with tea area development is one of the new directions in socio-economic development in some localities because it is possible to combine the advantages of tea production and community tourism to improve the living standards of farmers. This paper analyzes the current situation of tourism combined with tea area development models in three provinces of Ha Giang, Son La and Thai Nguyen. The results show that despite much potential, the scale of development is still small and fragmented, not really attracting a large number of tourists. To develop the models in the coming time, local authorities, farmers and tourism companies need to increase product diversification, value chain linkage, and connection of tourist destinations and routes, and do tourism promotion activities domestically and internationally.

Keywords: Rural Tourism, Tea Area Development, Tourism Model, Community Tourism.

JEL classification: Q, L83, L8.

1. Giới thiệu

Để có thể phát triển một cách toàn diện, đảm bảo mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh, Chính phủ đã xây dựng Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Chương trình được xây dựng hướng tới mục tiêu thay đổi tư duy sản xuất từ nông nghiệp thuần túy sang nông nghiệp hàng hoá, đẩy mạnh phát triển kinh tế nông thôn, từ đó giúp các địa phương có thể phát triển một cách bền vững, đạt được các mục tiêu đề ra. Trong đó phát triển du lịch nông thôn được xác định là một trong những giải pháp quan trọng. Đồng thời, phát triển du lịch nông thôn gắn với phát triển vùng chè là một trong những hướng đi mới, quan trọng đóng góp một cách đáng kể vào nền kinh tế của các tỉnh miền núi

phía Bắc nói riêng cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam nói chung.

Xuất phát từ đó, nghiên cứu này nhằm mục đích phân tích thực trạng phát triển mô hình du lịch nông thôn gắn với vùng chè để làm nền tảng cho việc lựa chọn và xây dựng các mô hình thực nghiệm tại một số địa phương ở miền núi phía Bắc. Kết quả nghiên cứu đóng vai trò quan trọng để đưa ra các căn cứ lý luận và thực tiễn cho đề tài “Nghiên cứu phát triển mô hình du lịch nông thôn gắn với phát triển vùng chè miền núi phía Bắc”.

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng, điều kiện phát triển mô hình du lịch nông thôn của 03 tỉnh miền núi phía Bắc để từ đó đề xuất giải pháp thúc đẩy ứng dụng và nhân rộng mô hình trong thời gian tới.

2. Mô hình phát triển du lịch nông thôn gắn với vùng chè tại một số tỉnh Trung du và Miền núi phía Bắc

2.1. Tỉnh Hà Giang

Hà Giang là một tỉnh thuộc vùng Đông Bắc Việt Nam có vị trí địa lý vô cùng đặc biệt: Phía Đông giáp tỉnh Cao Bằng, phía Tây giáp tỉnh Yên Bái và Lào Cai, phía Nam giáp tỉnh Tuyên Quang và phía Bắc giáp Trung Quốc. So sánh các địa phương khác, Hà Giang có nhiều điều kiện thuận lợi, đặc biệt và thuận lợi để phát triển du lịch như khí hậu ôn hoà, nhiều cảnh đẹp hùng vĩ, suối nước nóng, những dãy núi đá tai mèo phía Bắc, những

cánh rừng bạt ngàn phía Nam,... Trong đó, có thể kể đến một số địa điểm đặc biệt đã được nhiều khách du lịch trong và ngoài nước biết đến như: Công viên địa chất Cao nguyên đá Đồng Văn, Ruộng bậc thang Hoàng Su Phì,... Bên cạnh đó, Hà Giang có nhiều di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh khá nổi tiếng như: Suối Tiên, cổng Trời, thác nước Quảng Ngần, di tích nhà họ Vương,... Địa phương này còn sở hữu nền văn hoá lâu đời và hết sức đa dạng. Thực trạng hoạt động du lịch và doanh thu từ du lịch tỉnh Hà Giang giai đoạn 2015-2020 được thể hiện qua bảng dưới đây:

Bảng 1: Thực trạng du lịch nội địa tỉnh Hà Giang giai đoạn 2015-2020

Nội dung	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Khách du lịch nghỉ qua đêm (Lượt người)	443.409	591.717	651.093	625.263	659.913	553.720
Doanh thu của các cơ sở lữ hành (Triệu đồng)	35.456	-	40.167	44.281	49.854	23.855

Hà Giang là địa phương có diện tích chè lớn thứ 3 cả nước (trên 20.000 ha) với sản lượng hàng năm trên 60.000 tấn (UBND tỉnh Hà Giang, 2023). Trong đó, chè Shan tuyết là cây chè đặc thù và chủ lực. Đây là giống chè có hương vị đặc biệt, chất lượng cao, đang được đầu tư xây dựng thương hiệu để hướng tới các thị trường lớn, xuất khẩu. Do đặc điểm sinh trưởng, cây Chè Shan tuyết cổ thụ thường được phân bố tại các dãy núi Tây Côn Lĩnh với độ cao gần 2.500 m. Cây chè thường được trồng từ rất xa xưa hoặc mọc tự nhiên, qua nhiều năm phát triển thành chè cổ thụ với thân cây rất lớn và hương vị khác biệt so với các giống chè khác. Chè thường được trồng trên núi cao, mây bao phủ quanh năm, địa thế đẹp, rất phù hợp để làm du lịch giúp du khách có thể trải nghiệm và khám phá vẻ đẹp tự nhiên cũng như văn hoá. Do vậy, phát triển du lịch gắn với vùng chè là một trong những hướng đi, chiến lược vô cùng phù hợp.

Do đặc trưng riêng của vùng chè Hà Giang, hiện nay đã có nhiều công ty du lịch khai thác các tour du lịch gắn với khám phá vùng chè tại một số địa danh như: Nhà Thác, Khuổi Mi, xã Phương Độ, Cao Bồ, Hồ Thầu,... Khách du lịch đến đây đa

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Hà Giang năm 2020 phần là khách nước ngoài. Họ muốn tìm hiểu về vùng nguyên liệu Chè, văn hoá trà Shan tuyết và trải nghiệm cuộc sống nơi nương chè.

Mô hình Làng Văn hóa Du lịch Cộng đồng thôn Lùng Tao, xã Cao Bồ, huyện Vị Xuyên

Xã Cao Bồ, huyện Vị Xuyên có gần 1.000 ha chè Shan tuyết cổ thụ hàng trăm tuổi, phân bố trên các đỉnh núi cao. Thôn Lùng Tao, xã Cao Bồ là thôn có nhiều cây chè cổ thụ Shan Tuyết nhiều nhất Hà Giang, nổi tiếng thơm ngon. Hiệu được giá trị của cây chè, nên trong những năm qua, người dân tại đây đã tích cực chăm sóc cây chè để nâng cao chất lượng chè, tăng cường sản xuất hữu cơ. Chè Shan tuyết cổ thụ Cao Bồ đã được nhiều đơn vị, tổ chức trong nước và quốc tế ghi nhận, như: Liên đoàn quốc tế về phong trào sản xuất nông nghiệp hữu cơ (IFOAM) cấp giấy chứng Nhận chè hữu cơ – Organic Cao Bồ; Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam công nhận là Cây Di sản Việt Nam. Hiện nay cả thôn có hơn 80 hộ, 3 dòng họ chung sống gồm: họ Đặng, họ Tráng và họ Bàn. 100% người dân trong thôn là người dân tộc Dao (Dao áo dài). Vì vậy, bản sắc văn hóa dân tộc được lưu giữ gần như nguyên vẹn.

Thôn Lùng Tao, xã Cao hiện có 10 hộ được UBND tỉnh Hà Giang đầu tư mỗi hộ 60 triệu đồng để làm dịch vụ Homestay phục vụ du khách ăn, nghỉ. Ngoài ra, thôn có 1 hộ của ông Đặng Văn Tùng (Thái) đã xây dựng nhà bên suối và cũng sẵn sàng đón khách. Sau thời gian đi vào hoạt động, bà con trong thôn đã dần quen với việc làm du lịch, nhận thức thay đổi và đã rút ra được nhiều kinh nghiệm trong việc đón và phục vụ khách du lịch. Một số hộ đã có thu nhập từ dịch vụ Homestay...Người dân sinh sống tại đây đã làm nhà dọc theo những sườn đồi cao để có thể nhìn bao quát xung quanh, thôn Lùng Tao có 4 con suối, 3 thác nước với độ cao từ 50m đến 100m và có nước chảy quanh năm. Vào mùa mưa, nước chảy mạnh, bọt tung trắng xoá, tiếng thác chảy hiền hoà, tạo nên một khung cảnh thiên nhiên hùng vĩ, tuyệt đẹp. Bên cạnh đó, du khách còn được tham quan những cây chè cổ thụ hàng trăm năm tuổi và diện tích thảo quả của người dân. Thôn Lùng Tao, xã Cao Bồ được công nhận Làng Văn hóa du lịch cộng đồng từ năm 2009.

2.2. Tỉnh Sơn La

Sơn La là tỉnh miền núi nằm ở vị trí trung tâm vùng Tây Bắc Việt Nam với lịch sử và địa hình độc đáo, cùng dãy núi Hoàng Liên Sơn ở phía Bắc kẹp dải cao nguyên đá vôi ở giữa rất đẹp. Dãy núi đã chia lãnh thổ Sơn La thành hai lưu vực riêng biệt là sông Đà và sông Mã với nhiều danh lam, di tích nổi tiếng như: Nhà tù Sơn La, khu du lịch quốc gia Mộc Châu,... Đây chính là tiềm năng và lợi thế quan trọng để tỉnh có thể đầu tư phát triển du lịch. Bên cạnh đó, Sơn La còn có nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên phong phú, nền văn hoá đa dạng, phong tục tập quán, lễ hội độc đáo của các đồng bào dân tộc,... rất phù hợp và tiềm năng để phát triển du lịch cộng đồng. Đặc biệt, ngày từ năm 2014, địa phương đã được Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển du lịch, đặc biệt là khu du lịch quốc gia Mộc Châu. Bên cạnh đó, Sơn La còn có rất nhiều các di tích lịch sử giá trị, các địa điểm văn hoá có tiếng được nhiều người biết đến. Du lịch đã được tỉnh Sơn La xác định là một ngành kinh tế mũi nhọn cần phải đầu tư một cách toàn diện trong thời gian tới. Hiện

nay, nhiều loại hình và sản phẩm du lịch đã được từng bước đưa vào khai thác, đặc biệt là các sản phẩm du lịch gắn với tự nhiên, du lịch cộng đồng và thân thiện với môi trường.

Sơn La nổi tiếng với các vùng chè Mộc Châu, Vân Hồ. Vùng chè Mộc Châu được thiên nhiên ưu đãi về điều kiện thổ nhưỡng và khí hậu thuận lợi cho cây chè phát triển. Khác với các vùng chè tự nhiên ở các địa phương khác, chè Mộc Châu gắn với lịch sử nông trường Mộc Châu được thành lập từ năm 1958. Trải qua hơn 60 năm từ khi được trồng thử nghiệm tại đây, đến nay cây chè đã ngày càng phát triển và giữ được vị thế trong đời sống kinh tế địa phương. Bên cạnh vùng chè Mộc Châu, vùng chè Vân Hồ cũng là một điểm du lịch thu hút du khách.

Du lịch tỉnh Sơn La trong những năm gần đây đã đạt được nhiều kết quả rất đáng khích lệ. Theo thống kê từ Cục Thống kê tỉnh Sơn La (2020), trong năm 2017, ngành Du lịch tỉnh Sơn La đã đón trên 1,94 triệu lượt du khách, trong đó có 60.000 lượt khách quốc tế, 1.885.000 lượt khách du lịch nội địa, tổng doanh thu từ du lịch đạt 1.040 tỷ đồng, vượt kế hoạch đề ra. Về cơ sở hạ tầng, hiện trên địa bàn tỉnh có hơn 170 cơ sở lưu trú, công suất phòng khoảng 65%, tạo việc làm cho hơn 2.300 lao động. Năm 2020, theo thống kê từ UBND tỉnh Sơn La, năm 2020 mặc dù chịu dịch bệnh COVID-19 nhưng tỉnh đã đón hơn 1,9 triệu lượt khách du lịch, tổng doanh thu ước tính đạt 1.462 tỷ đồng (UBND tỉnh Sơn La, 2023).

Điểm đặc biệt tại Sơn La là các mô hình du lịch nông thôn gắn với phát triển vùng chè tại đây do doanh nghiệp sản xuất chè tham gia làm du lịch, gồm 03 doanh nghiệp:

Thứ nhất, Công ty Cổ phần Chè Cờ Đỏ Mộc Châu (Sơn La) được thành lập năm 2009 với lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là sản xuất kinh doanh chè. Công ty hiện đang quản lý 300 ha đất trồng chè, bao gồm 250ha của công ty và 50ha của các hộ liên kết. Trong đó, diện tích chè Shan tuyết là 150 ha, chè Kim Tuyên là 130 ha, chè Ô Long là 16 ha còn lại 4ha là chè giống mới. Năm 2020, sản lượng chè búp tươi công ty thu hái được đạt trên 3.100 tấn. Công ty cũng đã đầu tư xây dựng nhà máy chế biến

chè tương đối hiện đại với công suất chế biến tối đa có thể đạt 20 tấn chè búp tươi/ngày. Chè của công ty có chất lượng tốt, mẫu mã đẹp, tiêu thụ tốt và có tới 90% sản lượng chè là dành cho xuất khẩu (Công ty Cổ phần chè Cờ Đỏ Mộc Châu, 2023). Mặc dù, Công ty có một số đồi chè đẹp có thể phục vụ du khách, nhưng cũng chỉ là khách vắng lai tới thăm, chụp ảnh check in tại các đồi chè. Trong những năm tới Công ty dự kiến mở thêm mảng du lịch thăm quan và trải nghiệm đồi chè.

Thứ hai, Công ty chè Đài Loan với đồi chè Trái tim bản Ôn (Chè ô long Đài Loan). Đồi chè nằm cách thị trấn Nông trường Mộc Châu 15km, độ tuổi khoảng 20 năm với giống chè chính là chè Ô Long. Đặc điểm thổ nhưỡng đặc biệt khiến cho nơi đây phù hợp nhất với giống chè này. Đồi chè ở đây rất đẹp, tán chè đều, đồi chè được trồng theo hình trái tim rất độc đáo. Đây là một trong những địa điểm thu hút rất nhiều khách du lịch khi tới Mộc Châu. Đến du lịch vào vụ thu hoạch, khách du lịch sẽ được tự tay hái chè dưới sự hướng dẫn của công nhân, thoải mái thăm quan, thuê trang phục dân tộc Mông, check-in chụp ảnh đồi chè. Tuy nhiên, hạn chế lớn nhất là tại công ty không tổ chức hoạt động lưu trú.

Thứ ba, Công ty Cổ phần chè Mộc Sương. Đây là công ty sản xuất và chế biến chè ô long nổi tiếng bậc nhất Mộc Châu. Chè Ô Long tại Công ty đạt các tiêu chuẩn kiểm định khắt khe của Đài Loan, nhưng giá thành thấp hơn nhiều so với chè nhập khẩu, bao bì đẹp, đa dạng phong phú. Công ty đã có lịch sử 18 năm xây dựng và phát triển, hiện trồng và quản lý hơn 30 ha theo tiêu chuẩn VietGAP. Hiện nay, hơn 90% sản phẩm của công ty là dành cho xuất khẩu sang đối tác Đài Loan với các dòng sản phẩm chủ lực như Ô long Thanh Tâm và Ô long Thuý Ngọc (Công ty Cổ phần chè Mộc Sương, 2023).

Ngoài hoạt động sản xuất và xuất khẩu chè, Công ty Cổ phần Chè Mộc Sương vận hành Khu du lịch Sinh thái Mộc Sương. Về cơ sở vật chất, Mộc Sương có 1 khách sạn tiêu chuẩn 3 sao với 25 phòng 4 bungalow có sức chứa từ 10-18 người mỗi Bungalow, 2 nhà sàn có sức chứa từ 12- 18 người. Ngoài ra, Khu du lịch sinh thái Mộc Sương

còn có 1 hội trường tổ chức sự kiện, sân lửa trại, sân khấu, 2 nhà tranh có bàn trà dùng để nghỉ ngơi và thưởng trà,... Du khách có thể thăm quan chụp ảnh đồi chè trái tim của Công ty Cổ phần Chè Mộc Sương. Mặc bộ trang phục người dân tộc, tham gia hái chè, chụp ảnh, thưởng trà,... Khu du lịch sinh thái Mộc Sương, thuộc công ty chè Mộc Sương là một khu du lịch đảm bảo các tiêu chí về sinh thái và nghỉ dưỡng. Công ty TNHH Chè Mộc Sương là một công ty chuyên trồng chè phục vụ xuất khẩu Đài Loan. Vì vậy, quy trình trồng và chăm sóc chè đảm bảo tiêu chuẩn chè hữu cơ. Về không gian, đồi chè được trồng thấp thoáng sau những đồi chè, không khí trong lành, môi trường xanh, sạch và đẹp. Đây là khu nghỉ dưỡng lý tưởng cho những ai muốn tận hưởng cảnh quan thiên nhiên và không khí trong lành.

2.3. Tỉnh Thái Nguyên

Thái Nguyên là một tỉnh trung du miền núi, có địa hình bị chia cắt bởi nhiều dãy núi đá vôi với nhiều cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ, hoang sơ. Bên cạnh đó, nơi đây còn có nhiều phong tục tập quán phong phú và đa dạng, rất phù hợp để phát triển du lịch cộng đồng. Tỉnh có hai vùng chè nổi tiếng là vùng chè Tân Cương và vùng chè La Bằng.

Vùng chè Tân Cương khá gần trung tâm thành phố, chỉ cách 10km về phía tây. Nơi đây có nhiều đồi chè thoải thoải, xanh ngắt xen kẽ các con suối. Khí hậu tại đây khá mát mẻ, trong lành gần với truyền thống làng nghề lâu đời. Vị chè Tân Cương khá đặc biệt, thoảng mùi hương cỏm, hơi chát nhưng ngọt hậu, nước chè xanh. Nhân nhai chén trà, thưởng thức làn điệu dân ca, hít thở bầu không khí trong lành sẽ mang lại trải nghiệm tuyệt vời cho du khách (UBND tỉnh Thái Nguyên, 2023).

Vùng chè La Bằng là một điểm đến vô cùng quan trọng của tỉnh Thái Nguyên. Trong những năm gần đây, theo định hướng phát triển của tỉnh, huyện Đại Từ đang từng bước xây dựng lộ trình phát triển sản xuất kết hợp du lịch, đầu tư phát triển du lịch cộng đồng. Nơi đây có những lợi thế đặc biệt về tự nhiên cũng như vùng chè đã phát triển từ lâu, xã La Bằng đang từng bước trở thành điểm đến hấp dẫn. Đến với La Bằng, du khách sẽ được thưởng thức trà đặc sản kết hợp khám phá

thiên nhiên, văn hóa, lịch sử, truyền thống của các dân tộc nơi đây.

Bên cạnh vùng chè thì Khu du lịch suối Tiên Sa là một trong những điểm nhấn quan trọng của La Bằng. Với diện tích trên 1.000 ha thuộc Vườn Quốc gia Tam Đảo, nơi đây có rừng nhiệt đới, cây cối xanh tốt quanh năm, quần thể động, thực vật phong phú, nhiều loại quý hiếm. Khu du lịch cũng có hệ thống thực vật rất phong phú, đa dạng, như sấu, nhội, chuối rừng, cây trò chỉ, cây

gội, dổi cổ thụ,... với nhiều địa điểm thăm quan thú vị như: Vực Kẹm, vực Thẳm, Bàn Cờ Tiên, Chuôm, Hả Hai, Voi Rắt, Đá Hầm, Ba Luông, Thác Trắng,... Nhìn chung, La Bằng là một vùng đất rất đẹp, có nhiều lợi thế đặc biệt về thổ nhưỡng cũng như lợi thế tự nhiên để phát triển vùng chè kết hợp với du lịch.

Thực trạng hoạt động du lịch và doanh thu từ du lịch của tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2015-2020 được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 2: Thực trạng hoạt động du lịch tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2015-2020

Nội dung	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Khách du lịch do các cơ sở lưu trú phục vụ (Nghìn lượt)	901,0	1.068,3	1.302,0	1.406,0	1.495,0	1.005,9
Doanh thu của các cơ sở lưu trú (Tỷ đồng)	239,7	261,3	273,9	295,8	321,2	216,0

Tại Thái Nguyên, từ cuối năm 2012 đã triển khai mô hình về làng du lịch văn hóa cộng đồng tại xóm Hồng Thái 2 (xã Tân Cương), Khuôn 1 và Khuôn 2 (xã Phúc Trìu) và Gò Móc (xã Quyết Thắng). Mô hình được xây dựng theo chương trình dự án đối tác đô thị và phát triển kinh tế giữa thành phố Victoria của Canada và thành phố Thái Nguyên. Chương trình được tài trợ và xây dựng nhằm mục đích khai thác các tiềm năng du lịch địa phương, để từ đó giúp tăng thu nhập, tạo việc làm cho người nông dân, thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn. Chương trình này đã được người dân địa phương hưởng ứng tích cực, đặc biệt những gia đình có truyền thống trồng và chế biến chè. Nội dung chính là xây dựng những mô hình lưu trú tại gia, thành lập câu lạc bộ giao tiếp tiếng Anh, văn hóa trà và văn nghệ để phục vụ du khách. Từ ngày có mô hình du lịch cộng đồng, xã Tân Cương đã đón được nhiều đoàn khách, kể cả khách nước ngoài đến tham quan và mua sản phẩm trà làm quà. Theo đó, khách du lịch sẽ được trải nghiệm tự tay hái chè, sao chè, pha trà, thưởng trà cũng như chụp ảnh lưu niệm trên nương chè.

Tuy tiềm năng là thế, nhưng tại xã Tân Cương, đến nay mới chỉ có một số gia đình, cơ sở sản xuất chè làm du lịch cộng đồng, đón tiếp du khách tham quan, trải nghiệm và du lịch sinh thái. Nổi bật là hai cơ sở: Cơ sở sản xuất chè Tiến

Nguồn: Cục thống kê tỉnh Thái Nguyên (2020)

Yên do chủ hộ Bùi Trọng Đại quản lý. Mô hình mà hộ gia đình này áp dụng là đón tiếp du khách trải nghiệm thu hái, chế biến chè. Ngoài ra, khách đến đây còn có thể đặt cơm và ngủ tại gia đình nếu có nhu cầu. Về mặt cảnh quan, hộ gia đình này đã tự đầu tư gần 1km đường bê tông bao quanh đồi chè hơn 1 hecta của gia đình để du khách tham quan chè, chụp ảnh cho sạch sẽ. Ngoài ra, hộ gia đình này còn đào ao tạo hồ nước, làm cầu, dựng lều trên hồ để làm nơi du khách ngồi thưởng trà, ngắm cảnh.

Một cơ sở sản xuất chè kết hợp du lịch trải nghiệm có tiếng khác tại Thái Nguyên là hợp tác xã chè Hào Đạt tại xóm Nam Đồng, xã Tân Cương. Đơn vị này vốn có tiếng vì sở hữu vùng chè an toàn rộng khoảng 10 hecta theo tiêu chuẩn VietGAP, khâu chế biến được đầu tư cơ sở vật chất với hệ thống nhà xưởng rộng khoảng 2 nghìn m² và máy móc thiết bị nhập ngoại khá hiện đại, đảm bảo dây chuyền sản xuất khép kín và tự động hoá đến 70% quy trình sản xuất (Hợp tác xã chè Hào Đạt, 2023). Dựa trên thế mạnh trong sản xuất chè, hợp tác xã này là một trong những đơn vị đầu tiên ở địa phương cung cấp dịch vụ du lịch kết hợp sản xuất chè. Để phục vụ du khách, hợp tác xã đã đầu tư xây dựng một không gian văn hoá trà gồm: Khu nhà gỗ 5 gian để thưởng trà cũng như trưng bày các sản phẩm chè; khu tái hiện phương thức

sản xuất chè theo phương pháp truyền thống; và trải nghiệm về văn hóa trà cho khách du lịch. Ngoài ra, trong khu vực này còn trưng bày những bộ quần áo trang phục dân tộc, đeo gùi và đội nón lên đầu chè nhằm giúp du khách hòa mình vào công việc của bà con vùng chè cũng như ghi lại những khoảnh khắc đẹp của bản thân. Ngoài đường bê tông được xây mới và cải tạo, các nương chè trong khu còn được kết nối với nhau bằng những cây cầu được sử dụng như những điểm check-in cho du khách.

Đến tham quan và trải nghiệm tại HTX chè Hảo Đạt, du khách sẽ được tham quan, chụp ảnh ở các nương chè của công ty và tìm hiểu quá trình sản xuất chè tại xưởng. Đặc biệt, du khách sẽ được tham quan không gian văn hóa trà của HTX, diện những bộ quần áo trang phục dân tộc, đeo gùi và đội nón lên đầu chè để trải nghiệm công việc hái chè của bà con. Tại đây, du khách sẽ được chụp ảnh, đi dạo trên nương chè và các cây cầu nối, tìm hiểu quy trình và nguyên tắc hái chè,... Sau đó, du khách sẽ được thực hiện sao chè theo phương pháp truyền thống dưới sự hướng dẫn của cán bộ chuyên môn để tìm hiểu quá trình chế biến chè.

Tại vùng chè La Bằng nổi tiếng nhất phải kể đến mô hình Homestay Hoàng Nông farm ở xóm Đoàn Thắng, xã Hoàng Nông. Khu vực này cách trung tâm thành phố Thái Nguyên khoảng 45km và cách trung tâm huyện Đại Từ gần 10km, nhưng đường đi rất thuận lợi, dễ dàng. Điểm đặc biệt là homestay này chú trọng đến khâu quảng bá trên các dịch vụ đặt phòng nên được nhiều du khách biết đến. Điểm hấp dẫn nhất của homestay này là được xây dựng tại một nơi có không gian thiên nhiên bình yên, thơ mộng, khí hậu trong lành. Phòng nghỉ của Homestay khá đẹp, sạch sẽ, yên tĩnh, đồ ăn khá ngon và đều là các sản phẩm sạch của địa phương. Đơn vị này cũng tổ chức nơi để cho du khách có dịp trải nghiệm cùng người dân thu hái, chế biến chè.

Một mô hình khác tại vùng chè La Bằng là mô hình tham quan, trải nghiệm của chủ hộ trồng chè Bàn Văn Linh, ở xóm Đồng Khuôn. Homestay chính thức mở cửa đón khách vào năm 2018 với quy mô 1.000 m² được đầu tư khá bài

bản, bao gồm: Nhà sàn, nhà hàng, bể bơi và bể nuôi cá. Vật liệu chủ yếu được sử dụng là Tre nứa, lá cọ... thân thiện với môi trường. Tại đây, du khách sẽ được trải nghiệm quy trình sản xuất, chế biến chè và thưởng thức các đặc sản địa phương.

Ngoài hai mô hình du lịch trải nghiệm của hai hộ gia đình kể trên, tại vùng chè La Bằng còn có một mô hình được vận hành bởi hợp tác xã, đó là Hợp tác xã chè La Bằng- Một trong những hợp tác xã tiêu biểu của tỉnh Thái Nguyên trong sản xuất và kinh doanh chè. HTX Chè La Bằng do Bà Nguyễn Thị Hải làm chủ nhiệm là một trong những đơn vị đi đầu của huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tổ chức các hoạt động thăm quan trải nghiệm liên quan tới sản xuất và chế biến chè, thưởng trà. HTX đã tích cực trong việc mở ra hướng đi mới trong việc phát triển các hoạt động du lịch trải nghiệm trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. HTX đã liên kết với các hộ homestay và nhà hàng ở thôn xóm Tân Sơn (xã La Bằng) trong việc phối kết hợp các hoạt động du lịch trải nghiệm, nghỉ dưỡng và ăn uống.

3. Đánh giá thực trạng các mô hình du lịch nông thôn gắn với phát triển vùng chè tại một số tỉnh miền núi phía Bắc và giải pháp phát triển

3.1. Loại hình du lịch nông thôn

Du lịch nông thôn khu vực miền núi phía bắc được biết đến một cách phổ biến dưới các hình thức như du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm, du lịch sinh thái, du lịch văn hoá hoặc kết hợp giữa các hình thức kể trên. Mỗi địa phương sở hữu điều kiện tự nhiên và xã hội khác nhau, tương ứng với các hình thức du lịch nông thôn khác nhau. Gắn với các vùng chè, loại hình du lịch nông thôn phổ biến nhất là du lịch trải nghiệm một vài hoặc toàn bộ quy trình sản xuất chè theo kiểu truyền thống hoặc hiện đại, trải nghiệm văn hoá trà (trà đạo) đặc trưng của địa phương. Ngoài hình thức này, du lịch trải nghiệm có thể được kết hợp với du lịch văn hoá nếu vùng chè đó có nhiều dân tộc thiểu số sinh sống với đặc điểm văn hoá đặc sắc, thu hút khách du lịch tìm hiểu đời sống văn hoá của người bản địa. Du lịch trải nghiệm về chè cũng có thể kết hợp với du lịch sinh thái, chủ yếu là tham quan ngắm nhìn khung

cảnh tự nhiên của các đồi chè. Ngoài ra, trong loại hình du lịch sinh thái, các cơ sở có dịch vụ du lịch nông thôn thường đầu tư thêm cơ sở vật chất như bể bơi, ao hồ, cầu... để cung cấp thêm cho du khách một số dịch vụ giải trí gia tăng như bơi lội, câu cá, chụp ảnh check-in...

Ưu điểm trong phát triển mô hình du lịch nông thôn gắn với vùng chè miền núi phía bắc là các địa phương đã có đa dạng các loại hình du lịch nông thôn, điều này sẽ tạo thuận lợi cho công tác truyền thông, quảng bá du lịch và thu hút du khách đến với khu vực miền núi phía bắc sẽ có nhiều lựa chọn loại hình du lịch. Tuy nhiên, thực tế lại cho thấy tại các vùng chè ở các địa phương người dân có xu hướng kết hợp nhiều loại hình du lịch nông thôn với nhau, tức là hình thức nào cũng có, từ trải nghiệm, văn hoá đến sinh thái... mà không tập trung khai thác điểm mạnh nhất tại mỗi vùng chè để phát triển một loại hình phù hợp nhất. Ví dụ, tại vùng chè Tân Cương Thái Nguyên, tại một cơ sở có dịch vụ du lịch kết hợp sản xuất chè, chủ hộ đầu tư mỗi loại hình du lịch một chút (không gian trà phục vụ nhu cầu thưởng trà của du khách, một số trang phục dân tộc được trưng bày phản ánh loại hình du lịch văn hoá, một vài cây cầu bê tông được dựng lên giữa các nương chè, đào ao thả cá... để khai thác loại hình du lịch sinh thái). Nhưng về tổng thể, không có hình thức nào nổi trội, đủ sức hấp dẫn du khách.

3.2. Sản phẩm dịch vụ du lịch

Về sản phẩm du lịch được cung cấp tại các điểm du lịch nông thôn gắn với vùng chè, ngoài sản phẩm cơ bản là sự trải nghiệm hoạt động sản xuất chè tại cơ sở sản xuất chè (thường là các hộ trồng chè có tiếng hoặc hợp tác xã chè), còn có các sản phẩm dịch vụ khác như: ăn uống, lưu trú và một số loại hình vui chơi giải trí cơ bản gắn với vùng nông thôn địa phương. Về cơ bản, các dịch vụ đều ở mức khá đơn giản. Dịch vụ ăn uống gắn với các nông sản, đặc sản của địa phương, thường mang tính chất “cây nhà lá vườn” do chính gia chủ chuẩn bị khi khách có yêu cầu. Dịch vụ lưu trú được gia chủ cung cấp, thường là các căn phòng có trang bị các tiện nghi rất căn bản. Các dịch vụ giải trí cũng gói gọn trong một số hình thức: tản

bộ quanh đồi, nướng chè, câu cá, một vài điểm phục vụ du khách chụp ảnh check-in... Cao cấp hơn, một số cơ sở đầu tư cả nhà hàng, bể bơi, phòng karaoke... để phục vụ du khách.

Về ưu điểm, các sản phẩm dịch vụ du lịch nông thôn gắn với vùng chè miền núi phía Bắc đã có ở mức độ cơ bản. Các hộ dân và các đơn vị sản xuất chè đã học hỏi lẫn nhau và học hỏi ở các mô hình du lịch nông thôn ở các địa phương khác trong và ngoài nước để xây dựng và vận hành các sản phẩm dịch vụ du lịch nông thôn gắn với cây chè. Tuy nhiên, đánh giá chung thì các sản phẩm dịch vụ du lịch nông thôn tại các vùng chè miền núi phía bắc chưa phong phú, đa dạng, đặc biệt là chưa đủ sức hấp dẫn du khách. Lấy ví dụ, các mô hình homestay thu hút khách du lịch mang hơi hướng du lịch nông thôn nên việc thiết kế phòng ở và cảnh quan xung quanh mặc dù mang nét đơn sơ, mộc mạc nhưng vẫn rất đẹp, có màu sắc văn hoá đặc trưng của vùng nông thôn đó, nhưng đồng thời vẫn đảm bảo tiện nghi của cuộc sống hiện đại. So với những mô hình này thì các mô hình du lịch nông thôn gắn với các vùng chè miền núi phía bắc còn quá đơn giản và thiếu hấp dẫn. Ngay cả dịch vụ ăn uống, về căn bản vẫn còn hạn chế như thiếu độ đa dạng các món ăn, hình thức trình bày, mức độ đặc sắc và hấp dẫn của các đặc sản địa phương chưa thực sự thuyết phục. Đặc biệt, các sản phẩm dịch vụ phục vụ nhu cầu vui chơi giải trí của du khách chưa được đầu tư thích đáng nên còn khá đơn điệu, thiếu đặc sắc nên chưa thực sự thu hút và giữ chân được du khách.

3.3. Mô hình quản lý

Do đặc điểm của loại hình du lịch nông thôn thường gắn liền với đời sống của các hộ gia đình nông dân nên tại khu vực miền núi phía bắc, mô hình du lịch nông thôn gắn với phát triển vùng chè thường được tổ chức và quản lý bởi các hộ dân trồng chè, hay còn gọi là mô hình quản lý hộ gia đình. Trong mô hình này, chính các hộ gia đình tự bỏ vốn đầu tư cơ sở vật chất và trực tiếp xây dựng, tổ chức triển khai tất cả các hoạt động cung ứng dịch vụ du lịch cho khách hàng, cũng như tự chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch của mình. Ưu điểm của hình thức quản lý này

là sự đơn giản, gọn nhẹ và linh hoạt. Hơn nữa, theo mô hình quản lý này, khách du lịch được tận hưởng, trải nghiệm khá trọn vẹn nếp sống thực sự ở nông thôn tại các vùng chè. Tuy nhiên, mô hình quản lý này có nhược điểm là thiếu chuyên nghiệp, chất lượng dịch vụ thường không ổn định, dễ ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách. Đây là mô hình du lịch cộng đồng tại Làng văn hóa du lịch cộng đồng thôn Lũng Tao, xã Cao Bồ, Huyện Vị Xuyên. Cộng đồng người dân đứng ra tổ chức các hoạt động du lịch.

Mô hình phổ biến thứ hai sau hộ gia đình là mô hình quản lý hợp tác xã. Hợp tác xã vốn là hình thức quản lý phổ biến trong lĩnh vực sản xuất chè, nơi mà nhiều hộ dân trồng chè cùng tự nguyện tham gia vào một tổ hợp tác để cùng triển khai các công nghệ kỹ thuật sản xuất hiện đại, tăng quy mô canh tác, hỗ trợ nhau trước các biến động giá cả trên thị trường. Một số hợp tác xã năng động hơn đã nhìn nhận được tiềm năng đối với mô hình du lịch nông thôn gắn với sản xuất chè, nên đã chủ động xây dựng và triển khai các mô hình này. Ưu điểm của mô hình quản lý này là hợp tác xã có nhiều tài nguyên về đất đai, đồi chè, địa điểm, vốn, uy tín và các mối quan hệ hợp tác... để tổ chức mô hình du lịch nông thôn quy mô và hiệu quả hơn mô hình quản lý hộ gia đình. Tuy nhiên, do là hợp tác xã gồm nhiều thành viên, nên các quyết định được đưa ra luôn phải dựa trên sự đồng thuận của số đông thành viên mới được thông qua. Do đó, nếu hợp tác xã không dân chủ, không đạt được sự đồng thuận của các thành viên, cộng thêm nếu Ban chủ nhiệm hợp tác xã hoạt động kém hiệu quả thì rất khó để các quyết định về đầu tư, điều chỉnh các hạng mục cơ sở vật chất, các loại dịch vụ du lịch cung ứng cho du khách được thực hiện. Điều này sẽ là cản trở lớn đối với sự tiến bộ, hoàn thiện mô hình du lịch nông thôn tại các vùng chè theo mô hình quản lý hợp tác xã. Hợp tác xã tổ chức các hoạt động du lịch trải nghiệm và kết hợp với các hộ làm du lịch có homestay, bể bơi, nhà hàng để cung cấp dịch vụ cho du khách.

Mô hình quản lý phổ biến thứ ba về du lịch nông thôn tại các vùng chè miền núi phía bắc là doanh nghiệp. Một số doanh nghiệp sản xuất chè

tự mình đầu tư thêm cơ sở vật chất cho sản phẩm du lịch trải nghiệm, du lịch văn hoá gắn với sản xuất chè. Ưu điểm của mô hình này là linh hoạt hơn so với mô hình quản lý theo kiểu hợp tác xã trong cơ chế ra quyết định, đồng thời quy mô các nguồn lực lại lớn hơn so với mô hình quản lý theo kiểu hộ gia đình. Tóm lại, mỗi mô hình quản lý có những ưu và nhược điểm riêng, tùy vào điều kiện cụ thể của chủ thể cung ứng dịch vụ du lịch nông thôn để vận dụng các ưu và nhược điểm của mỗi mô hình một cách linh hoạt, nhằm đem lại hiệu quả quản lý cao nhất có thể. Đây là mô hình mà Công ty TNHH Chè Mộc Sương hiện đang tổ chức và thực hiện.

3.4. Hoạt động liên kết trong chuỗi giá trị

Về bản chất, du lịch nông thôn gắn với vùng chè là một loại dịch vụ, cụ thể là dịch vụ du lịch. Nên để cung ứng loại dịch vụ này đòi hỏi sự hợp tác, liên kết của rất nhiều bên để tạo thành một chuỗi giá trị hoàn chỉnh thì mới thu hút và giữ chân được du khách. Theo kết quả điều tra, khảo sát thực tế của nhóm nghiên cứu, sự liên kết giữa các bên trong chuỗi giá trị du lịch nông thôn gắn với vùng chè còn rất hạn chế. Phần lớn là sự hợp tác giữa hộ trồng chè, hợp tác xã hoặc doanh nghiệp (gọi tắt là bên cung ứng dịch vụ chính) với chính quyền trong các chương trình, chính sách hỗ trợ của chính quyền về phát triển mô hình du lịch nông thôn, du lịch cộng đồng tại địa phương. Sự hợp tác chủ yếu nằm ở việc chính quyền địa phương hỗ trợ bên cung ứng dịch vụ trong việc truyền thông, quảng bá các mô hình du lịch nông thôn qua các kênh chính thống như cổng thông tin điện tử của huyện, thành phố, tỉnh; qua các chương trình văn hoá được tổ chức; qua các hội chợ triển lãm trong và ngoài nước giới thiệu về các ngành kinh tế, văn hoá truyền thống đặc sắc của địa phương; qua các phóng sự truyền hình, các bài báo quảng bá giới thiệu sản phẩm; qua các hội nghị hội thảo về các chủ đề có liên quan đến du lịch... Liên kết giữa bên cung ứng dịch vụ du lịch với các đối tác truyền thông quảng cáo một cách trực tiếp, không thông qua kênh hỗ trợ của chính quyền trong mô hình du lịch nông thôn gắn với vùng chè gần như không có. Nói cách khác, các

bên cung ứng dịch vụ du lịch chủ yếu là các nhà sản xuất chè, họ dường như mới chỉ coi du lịch nông thôn là một dịch vụ gia tăng chứ không phải sản phẩm dịch vụ chính mang lại doanh thu và lợi nhuận nên chưa có sự đầu tư đáng kể cho các hoạt động truyền thông quảng bá.

Bên cạnh đó, sự liên kết giữa bên cung ứng dịch vụ du lịch với các bên trung gian là công ty hoặc đại lý du lịch, là các bên làm việc trực tiếp với khách hàng để giới thiệu, kết nối, tổ chức các tour du lịch. Nói cách khác, họ là người trung gian kết nối bên cung ứng dịch vụ du lịch với khách hàng. Theo kết quả khảo sát, có rất ít người cung ứng dịch vụ có kết nối với bên thứ ba này, trừ một vài trường hợp chủ homestay sử dụng dịch vụ đặt phòng (các ứng dụng đặt phòng trực tuyến) để tự quảng bá, kết nối với du khách qua bên thứ ba. Ngoài ra, một số homestay thông qua sự kết nối của chính quyền đã hợp tác với một số đại lý du lịch để xây dựng các tour cho du khách với điểm đến là các mô hình du lịch nông thôn tại vùng chè.

3.5. Kết nối các điểm du lịch tạo thành các tuyến du lịch

Bên cạnh hạn chế là các sản phẩm dịch vụ tại các điểm du lịch chè chưa hấp dẫn thì một điểm yếu cơ bản trong phát triển mô hình du lịch nông thôn tại các điểm du lịch gắn với vùng chè là sự kết nối giữa các điểm này với các điểm du lịch khác để tạo thành một tuyến du lịch đủ sức hấp dẫn du khách, gia tăng trải nghiệm và quan trọng là giữ chân du khách tham gia lâu hơn vào một tour du lịch còn khá yếu. Điều này khiến cho du khách chọn đến điểm du lịch nông thôn gắn với vùng chè chủ yếu đi trong một buổi, nhiều thì trong một ngày, không lưu trú qua đêm. Việc chuyển tiếp sang các điểm du lịch khác để làm phong phú cho các tour du lịch bị hạn chế. Nguyên nhân không chỉ nằm ở vấn đề khoảng cách di chuyển hay hạ tầng giao thông tại vùng miền núi phía bắc chưa thuận tiện mà theo nhóm nghiên cứu, nguyên nhân chủ yếu do các bên trong chuỗi giá trị chưa thực sự hợp tác chặt chẽ trong việc chủ động tạo ra các tour, các tuyến du lịch phục vụ du khách. Việc kết nối các tour, tuyến điểm tới vùng chè cũng như từ vùng khác tới vùng chè

trong nghiên cứu còn hạn chế. Tuy nhiên trong các chính sách, kế hoạch phát triển du lịch của các tỉnh thành cũng có kế hoạch phát triển mạnh mẽ hơn loại hình du lịch cộng đồng và du lịch nông thôn.

3.6. Hoạt động xúc tiến, hợp tác trong và ngoài nước để quảng bá du lịch

Hoạt động xúc tiến, hợp tác trong và ngoài nước để quảng bá mô hình du lịch nông thôn gắn với phát triển vùng chè được các địa phương miền núi phía bắc thực hiện khá tốt. Chính quyền địa phương thông qua bộ, ban, ngành trực tiếp quản lý hoạt động du lịch như Sở, phòng Văn hoá, thể thao và du lịch, Văn phòng điều phối chương trình Nông thôn mới của các địa phương có xúc tiến hợp tác liên ngành, liên địa phương với các tỉnh, thành, huyện, xã trong cả nước để quảng bá du lịch địa phương nói chung và du lịch nông thôn gắn với vùng chè nói riêng. Các hoạt động này thường được tổ chức dưới hình thức hội chợ, triển lãm, hội nghị, hội thảo và các chương trình quảng bá khác. Theo báo cáo của các địa phương, các chương trình liên kết, hợp tác như thế này được tổ chức khá thường xuyên.

Do các hộ, các cơ sở SX kinh doanh chè nhận thức được tiềm năng phát triển du lịch cũng như nhu cầu của người dân đối với du lịch tới các vùng chè, nên họ đã xây dựng không gian thưởng trà, tổ chức các hoạt động trải nghiệm, xây dựng thêm các nhà hàng và cơ sở lưu trú để phục vụ du khách. Tuy nhiên, hầu hết họ là người nông dân (ngoại trừ Công ty TNHH Chè Mộc Sương) nên thiếu kinh nghiệm làm du lịch cũng như chủ động xây dựng các hoạt động xúc tiến và quảng bá. Công ty TNHH Chè Mộc Sương, một doanh nghiệp chuyên xuất khẩu chè cho Đài Loan, các hoạt động du lịch tại Khu du lịch sinh thái của công ty chưa phong phú. Các hoạt động quảng bá cũng hạn chế. Đây là một trong những hạn chế của các mô hình du lịch nông thôn tại các vùng chè.

4. Kết luận

Đối với khu vực miền núi phía bắc, mô hình du lịch nông thôn gắn với phát triển vùng chè đã phát triển một thời gian, tuy nhiên vẫn còn đang ở trong giai đoạn đầu với những đặc trưng như: quy

mô nhỏ lẻ, manh mún, chưa thực sự thu hút đông đảo khách du lịch nhưng vẫn tồn tại như một điểm nhấn về du lịch văn hoá, du lịch cộng đồng tại nhiều địa phương. Có du lịch nông thôn kết hợp phát triển vùng chè miền núi phía Bắc, phổ biến với tên gọi du lịch cộng đồng (Hà Giang, Yên Bái), du lịch sinh thái, du lịch văn hoá, mô hình sản xuất chè kết hợp du lịch trải nghiệm (Tân Cương – Thái Nguyên, Mộc Châu – Sơn La, Vị Xuyên – Hà Giang)...

Với những tài nguyên du lịch sẵn có: nghề trồng chè truyền thống; sản phẩm chè ngon nổi tiếng như chè Thái, chè San Tuyết (Hà Giang), chè Ô Long (Mộc Châu)... được nâng lên tầm văn hoá chè/văn hoá trà; sinh thái nông thôn (sau này phong trào Nông thôn mới đã khiến cho khung cảnh nông thôn khang trang, hiện đại hơn, đời sống vật chất và tinh thần của người dân cũng được cải thiện hơn) nhưng vẫn mang nét mộc mạc và gần gũi thiên nhiên hơn; các điểm du lịch sinh

thái, tự nhiên có sẵn tại địa phương (núi, thác, hồ, cao nguyên đá...) với khí hậu đặc trưng của miền núi, trung du...; đặc sản địa phương nổi tiếng; nơi sinh sống của đồng bào dân tộc thiểu số với nền văn hoá độc đáo, mới lại có thể thu hút du khách.

Để có thể tận dụng tối đa những lợi thế ưu đãi, phát triển vùng chè gắn với mô hình du lịch nông thôn, các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc cần tập trung đa dạng hoá các sản phẩm dịch vụ, lựa chọn mô hình du lịch và mô hình quản lý phù hợp. Đặc biệt, với sự giúp đỡ và vào cuộc tích cực của chính quyền địa phương, người dân và doanh nghiệp sản xuất chè, doanh nghiệp du lịch cần phải tăng cường liên kết chuỗi giá trị, kết nối các điểm, các tuyến du lịch để mang lại trải nghiệm tốt nhất và xuyên suốt cho khách hàng. Bên cạnh đó, các địa phương cần không ngừng tăng cường hoạt động xúc tiến du lịch, hợp tác trong và ngoài nước để quảng bá hình ảnh của địa phương tới khách du lịch trong và ngoài nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Công ty Cổ phần Chè Cờ Đỏ Mộc Châu. (2023). *Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022*.
- [2]. Công ty Cổ phần chè Mộc Sương. (2023). *Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022*.
- [3]. Cục thống kê tỉnh Hà Giang. (2020). *Niên giám thống kê tỉnh Hà Giang năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020*.
- [4]. Cục thống kê tỉnh Sơn La. (2020). *Niên giám thống kê tỉnh Sơn La năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020*.
- [5]. Cục thống kê tỉnh Thái Nguyên. (2020). *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020*.
- [6]. Hợp tác xã Chè Hào Đạt. (2023). *Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022*.
- [7]. UBND tỉnh Hà Giang. (2023). *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023*.
- [8]. UBND tỉnh Sơn La. (2023). *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023*.
- [9]. UBND tỉnh Thái Nguyên. (2023). *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023*.

Thông tin tác giả:

1. Đoàn Quang Huy

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Kinh tế & Quản trị Kinh doanh
- Địa chỉ email: doanquanghuy@tueba.edu.vn

2. Nguyễn Thị Gấm

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Phenikaa

Ngày nhận bài: 20/12/2023

Ngày nhận bản sửa: 28/12/2023

Ngày duyệt đăng: 29/12/2023